| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VỊ THANH**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST.<br>Ngày 24 – 02 – 2025.<br>V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phan Như Nguyện.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Phạm Kim Ngọc.

Bà Nguyễn Trường Hận.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Trần Thảo Vy. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thái Chân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Y, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không còn hòa hợp, không quan tâm lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được và đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên bà quyết định ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc B (giới tính nam), sinh ngày 05/10/2009, hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà Trần Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Bà Trần Thị Y yêu cầu tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Y vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Y vì vợ chồng không có mâu thuẫn, về con chung thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông Nguyễn Ngọc S vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Phát biểu nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cho ông Nguyễn Ngọc S được quyền nuôi dưỡng. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Ngọc S chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng đã tạo điều kiện hoà giải nhưng bà Trần Thị Y vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thỏa thuận và hòa giải được với bà Trần Thị Y để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà Trần Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Ngọc S thì vắng mặt không đến Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc B (giới tính nam), sinh ngày 05/10/2009, hai bên đều yêu cầu tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung tên Nguyễn Ngọc B hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì cháu Nguyễn Ngọc B cũng có nguyện vọng sống chung với cha là ông Nguyễn Ngọc S khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Ngọc B cho ông Nguyễn Ngọc S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Y chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Ngọc S chưa có yêu cầu. Bà Trần Thị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung:* Các bên đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Về nợ chung:* Các bên đều thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thị Y phải chịu.

[6] Đối với phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bà Trần Thị Y là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Ngọc S là bị đơn dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Ngọc B (giới tính nam), sinh ngày 05/10/2009. Bà Trần Thị Y chưa phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Ngọc S chưa có yêu cầu.

Bà Trần Thị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc bà Trần Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Y đã nộp theo biên lai số 0001266 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường IV;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Như Nguyện**